Chương III

TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT

Điều 13. - Việc xem xét, quyết định bồi thường thiệt hại theo trách nhiệm vật chất do người lao động làm hư hỏng hoặc làm mất dụng cụ, thiết bị và các tài sản khác của đơn vị, phải căn cứ vào lỗi và mức độ thiệt hại thực tế. Không phải bồi thường thiệt hại do nguyên nhân bất khả kháng.

Điều 14. - Mức thiệt hại được coi là không nghiêm trọng theo Điều 89 của Bộ Luật Lao động là mức thiệt hại gây ra dưới 5 triệu đồng.

Điều 15. - Các trường hợp bồi thường theo thời giá thị trường theo Điều 90 của Bộ Luật Lao động và Điều 14 Nghị định này phải được quy định trong nội quy lao động. Khi quyết định mức bồi thường cần xét đến thực trạng hoàn cảnh gia đình, nhân thân và tài sản của đương sự.

Điều 16. - Thủ tục xử lý việc bồi thường thiệt hại do làm hư hỏng hoặc làm mất dụng cụ, thiết bị, tài sản khác của đơn vị theo Điều 91 của Bộ Luật Lao động áp dụng theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 7 và các Điều 8, 10, 11 Nghị định này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17.- Ủy ban Nhân dân các cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại của người bị xử lý kỷ luật lao động, bị tạm đình chỉ công việc hoặc phải bồi thường theo chế độ trách nhiệm vật chất. Cơ quan lao động địa phương giúp Ủy ban Nhân dân trong việc xem xét giải quyết các khiếu nại này.

Người bị xử lý kỷ luật lao động, bị tạm đình chỉ công việc hoặc phải bồi thường theo chế độ trách nhiệm vật chất, có quyền khiếu nại nhưng trong khi chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại vẫn phải chấp hành quyết định kỷ luật, tạm đình chỉ công việc, bồi thường theo chế độ trách nhiệm vật chất.

Điều 18. -

1. Chậm nhất sau 3 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, những đơn vị chưa có hoặc đã có nội quy lao động phải xây dựng, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và đăng ký tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

2. Những đơn vị mới thành lập thì sau 6 tháng kể từ ngày bắt đầu hoạt động, người sử dụng lao động phải đăng ký bản nội quy lao động tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 19.- Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký.

Bãi bỏ những quy định trước đây trái với Nghị định này

Điều 20.- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
NGUYỄN KHÁNH

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 42-CP ngày 8-7-1995 ban hành Quy chế Hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế Hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ. Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn thi hành, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 3.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIỆT

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09651769

QUY CHẾ Hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam

(ban hành kèm theo Nghị định số 42-CP ngày 8-7-1995).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Tổ chức luật sư nước ngoài có đủ điều kiện quy định tại Quy chế này có thể được phép hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam.

Điều 2.- Chính phủ Việt Nam bảo đảm đối đãi thỏa đáng đối với tổ chức luật sư nước ngoài hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 3.- Tài sản hợp pháp của tổ chức luật sư nước ngoài hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam không bị quốc hữu hóa, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính.

Điều 4.- Tổ chức, cá nhân nước ngoài không được hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam nếu không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của Quy chế này.

Điều 5.- Tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam phải tôn trọng độc lập, chủ quyền của Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Chương II

ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ, HÌNH THỨC, TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ VÀ THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP

Điều 6.- Tổ chức luật sư nước ngoài muốn hành nghề tại Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có khách hàng nước ngoài hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam;

2. Có uy tín trong hành nghề tư vấn pháp luật;

3. Có thiện chí đối với Nhà nước Việt Nam;

4. Có phương án hoạt động và cam kết thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam;

5. Có cơ sở vật chất cần thiết cho hoạt động của mình.

Điều 7.- Luật sư của tổ chức luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Hành nghề tư vấn pháp luật từ 5 năm trở lên tại một tổ chức luật sư nước ngoài;

2. Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người đang chấp hành hình phạt, người chưa được xóa án;

3. Có thiện chí đối với Nhà nước Việt Nam.

Điều 8.- Tổ chức luật sư nước ngoài có đủ các điều kiện quy định tại Điều 6 của Quy chế này thì được xét cho phép đặt chi nhánh tại Việt Nam.

Mỗi tổ chức luật sư nước ngoài được đặt tối đa hai chi nhánh tại Việt Nam.

Tổ chức luật sư nước ngoài chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của chi nhánh.

Điều 9.- Thời hạn hoạt động của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam là 5 năm, kể từ ngày ký giấy phép và có thể được gia hạn mỗi lần không quá 3 năm.

Điều 10.- Tổ chức luật sư nước ngoài muốn đặt chi nhánh tại Việt Nam phải làm đơn xin phép. Đơn xin phép đặt chi nhánh phải có nội dung chính sau đây:

1. Tên đầy đủ, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức luật sư nước ngoài;

2. Tên gọi của chi nhánh;

3. Nội dung hoạt động và lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật;

4. Thời hạn hoạt động;

5. Nơi dự định đặt trụ sở của chi nhánh;

6. Họ, tên của luật sư nước ngoài được tổ chức luật sư nước ngoài ủy nhiệm quản lý, điều hành chi nhánh;

7. Số lượng luật sư nước ngoài và nhân viên Việt Nam dự kiến sẽ làm việc tại chi nhánh.

Điều 11.- Kèm theo đơn xin phép đặt chi nhánh phải có các giấy tờ sau đây:

1. Bản sao Điều lệ hoặc giấy tờ cần thiết chứng minh việc thành lập và hoạt động hợp pháp của tổ chức luật sư nước ngoài;

2. Bản giới thiệu về hoạt động của tổ chức luật sư nước ngoài;

3. Báo cáo về tình hình tài chính của tổ chức luật sư nước ngoài trong hai năm gần nhất;

4. Danh sách và các bản tóm tắt lý lịch nghề nghiệp, lý lịch tư pháp, bản sao giấy phép hành

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

nghề của các luật sư nước ngoài hành nghề trong chi nhánh:

5. Giấy ủy nhiệm luật sư nước ngoài quản lý và điều hành chi nhánh;

6. Phương án hoạt động của chi nhánh;

7. Danh sách khách hàng nước ngoài hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

Điều 12.- Đơn xin phép phải làm bằng tiếng Việt. Các giấy tờ kèm theo đơn xin phép được lập và chứng nhận ở nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự; nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được cơ quan công chứng Việt Nam chứng nhận.

Các giấy tờ sau đây phải được cơ quan có thẩm quyền của nước, nơi tổ chức luật sư nước ngoài đặt trụ sở chính chứng nhận:

1. Bản sao Điều lệ hoặc giấy tờ chứng minh việc thành lập và hoạt động hợp pháp của tổ chức luật sư nước ngoài;

2. Bản sao giấy phép hành nghề của luật sư nước ngoài;

3. Giấy ủy nhiệm luật sư nước ngoài quản lý, điều hành chi nhánh.

Điều 13.- Đơn xin phép đặt chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài và các giấy tờ kèm theo được gửi đến Bộ Tư pháp. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, Bộ Tư pháp xem xét hồ sơ, tham khảo ý kiến các cơ quan hữu quan và quyết định cấp hoặc từ chối cấp giấy phép.

Giấy phép được làm thành ba bản, một bản cấp cho đương sự, một bản gửi cho Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài đặt trụ sở và một bản lưu.

Trong trường hợp từ chối cấp giấy phép, Bộ Tư pháp thông báo cho đương sự và nói rõ lý do.

Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 14.- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày cấp giấy phép, chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài phải đăng ký hành nghề tại Sở Tư pháp của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi đặt trụ sở. Quá thời hạn này mà chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài không đăng ký hành nghề thì giấy phép không còn giá trị, trừ trường hợp có lý do chính đáng được Bộ Tư pháp chấp thuận.

Khi đăng ký hành nghề, phải xuất trình giấy phép đặt chi nhánh và giấy tờ xác nhận về trụ sở của chi nhánh.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp phải cấp giấy đăng ký hành nghề cho chi nhánh.

Chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài chỉ được hoạt động kể từ ngày đăng ký hành nghề.

Điều 15.- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày đăng ký hành nghề, chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài phải đăng báo tại Việt Nam trong 5 số liên tiếp về việc đặt chi nhánh.

Điều 16. - Chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài muốn thay đổi tên gọi, trụ sở, người đại diện, danh sách luật sư, lĩnh vực hành nghề tư vấn phải làm đơn xin phép Bộ Tư pháp và chỉ được thay đổi khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp.

Điều 17. - Chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài muốn gia hạn hoạt động phải làm đơn gửi Bộ Tư pháp chậm nhất là 60 ngày trước khi hết hạn hoạt động.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn xin gia hạn, Bộ Tư pháp quyết định việc gia hạn; nếu không gia hạn phải nói rõ lý do.

Việc gia hạn hoạt động cũng phải được đăng ký theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

Điều 18. - Khi nộp đơn xin phép đặt chi nhánh, xin gia hạn hoạt động, thay đổi nội dung giấy phép, đương sự phải nộp lệ phí do Bộ Tài chính cùng Bộ Tư pháp quy định.

Chương III

PHẠM VI HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHI NHÁNH TỔ CHỨC LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI, CỦA LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 19.- Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài chỉ được hành nghề theo các nội dung, lĩnh vực đã được ghi trong giấy phép.

Điều 20.- Luật sư nước ngoài của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài chỉ được tư vấn về pháp luật nước ngoài và pháp luật quốc tế trong lĩnh vực kinh doanh, đầu tư, thương mại; không được tư vấn về pháp luật Việt Nam, không được tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa, người đại diện cho khách hàng trước Tòa án Việt Nam.

Điều 21. - Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được ký kết hợp đồng hợp tác với tổ chức tư vấn pháp luật Việt Nam theo vụ việc để thực hiện việc tư vấn về pháp luật Việt Nam.

Điều 22. - Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được nhận tiền thù lao trên cơ sở thỏa thuận với khách hàng tùy thuộc vào mức độ phức tạp của vụ việc, thời gian và các chi phí hợp lý cho việc thực hiện tư vấn.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09651769

Việc nhận thù lao từ hoạt động tư vấn pháp luật của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài phải được thực hiện tại Việt Nam.

Điều 23.- Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật Việt Nam về kế toán, thống kê; phải mở tài khoản bằng tiền nước ngoài và bằng tiền Việt Nam tại một Ngân hàng Việt Nam và thực hiện mọi khoản thu, chi thông qua các tài khoản đó.

Điều 24. - Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được giao kết hợp đồng thuê nhân viên phục vụ là công dân Việt Nam.

Quyền và nghĩa vụ của nhân viên phục vụ làm việc theo hợp đồng trong chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được ghi cụ thể trong hợp đồng phù hợp với pháp luật về lao động của Việt Nam.

Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài không được thuê luật sư Việt Nam làm việc tại chi nhánh.

Điều 25. - Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được phép nhập khẩu các phương tiện cần thiết cho hoạt động của chi nhánh tại Việt Nam và cho nhu cầu làm việc và sinh hoạt của các luật sư nước ngoài làm việc tại chi nhánh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 26.- Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài và luật sư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài thu nhập từ việc hành nghề tư vấn pháp luật theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 27.- Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài và luật sư nước ngoài phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam.

Điều 28.- Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài phải có ít nhất một luật sư nước ngoài làm việc thường xuyên tại Việt Nam, ngoài luật sư được ủy nhiệm quản lý, điều hành chi nhánh.

Điều 29.- Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được nhận công dân Việt Nam có bằng cử nhân luật tập sự hành nghề tư vấn pháp luật tại chi nhánh.

Người tập sự hành nghề trong chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài không được tư vấn cho khách hàng.

Quyền và nghĩa vụ của người tập sự hành nghề tư vấn pháp luật trong chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được ghi cụ thể trong hợp đồng phù hợp với pháp luật về lao động của Việt Nam và Quy chế này.

Việc nhận người tập sự hành nghề tư vấn pháp luật phải được Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở của chi nhánh chấp thuận.

Điều 30.- Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất do lỗi của luật sư của chi nhánh gây ra cho khách hàng.

Điều 31.- Luật sư của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài có nghĩa vụ tham gia bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tại Việt Nam.

Điều 32.- Luật sư của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài phải thực hiện tư vấn pháp luật một cách trung thực, khách quan.

Điều 33.- Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 34.- Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài phải báo cáo Bộ Tư pháp bằng văn bản định kỳ 6 tháng và hàng năm về tổ chức và hoạt động của mình; trong trường hợp cần thiết phải báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tư pháp và cơ quan hữu quan theo quy định của pháp luật.

Điều 35.- Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

1. Hết hạn hoạt động ghi trong giấy phép mà không được gia hạn;

2. Tự chấm dứt hoạt động;

3. Bị thu hồi giấy phép.

Trong trường hợp tự chấm dứt hoạt động, chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài phải báo cáo Bộ Tư pháp bằng văn bản trước 60 ngày về thời điểm chấm dứt hoạt động.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày chấm dứt hoạt động, chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài phải thanh toán xong mọi khoản nợ, giải quyết xong mọi vấn đề có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, báo cáo Bộ Tư pháp và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền bằng văn bản.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 36.- Bộ Tư pháp thực hiện quản lý Nhà nước đối với hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Hướng dẫn tổ chức luật sư nước ngoài làm các thủ tục xin phép đặt chi nhánh tại Việt Nam;

2. Cấp giấy phép đặt chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài, gia hạn hoạt động của chi nhánh;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

3. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về tổ chức và hoạt động của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài và của luật sư nước ngoài;

4. Chủ trì giải quyết những vấn đề liên quan đến hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam;

5. Xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 42 của Quy chế này.

Điều 37.- Trong phạm vi địa phương mình, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Kiểm tra hoạt động tư vấn pháp luật của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài;

2. Xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 43 của Quy chế này;

3. Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét và giải quyết những vấn đề về tổ chức và hoạt động của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài.

Điều 38.- Sở Tư pháp có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Thực hiện đăng ký hành nghề của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài, đăng ký gia hạn hoạt động của chi nhánh;

2. Chấp thuận việc nhận người tập sự hành nghề tư vấn pháp luật của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài;

3. Thực hiện các hoạt động quản lý khác đối với hành nghề tư vấn pháp luật của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 39.- Tổ chức, cá nhân nước ngoài không được phép mà hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào thì bị phạt tiền đến 20.000 USD và buộc phải chấm dứt hành nghề; nếu tái phạm thì bị phạt tiền gấp đôi lần phạt trước, bị tịch thu các khoản lợi do thực hiện tư vấn pháp luật bất hợp pháp và buộc phải chấm dứt hành nghề.

Điều 40.- Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài vi phạm các quy định của Quy chế này, thì tùy theo mức độ bị xử lý theo các hình thức sau đây:

1. Hành nghề tư vấn pháp luật khi chưa đăng ký hành nghề thì bị phạt 10.000 USD;

2. Hành nghề tư vấn pháp luật ngoài các lĩnh vực ghi trong giấy phép thì bị phạt 7.000 USD; nếu tái phạm thì bị đình chỉ hành nghề có thời hạn hoặc bị thu hồi giấy phép;

3. Không chấp hành các quy định khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra thì bị phạt 5.000 USD; vi phạm lần thứ hai thì bị phạt tiền gấp đôi lần phạt trước và bị đình chỉ hành nghề có thời hạn; vi phạm lần thứ ba thì bị thu hồi giấy phép;

4. Vi phạm các quy định khác của Quy chế này thì bị phạt từ 2.000 USD đến 5.000 USD; nếu tái phạm thì bị phạt tiền gấp đôi lần phạt trước.

Điều 41.- Luật sư nước ngoài vi phạm các quy định của Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm bị phạt tiền đến 5.000 USD, bị đình chỉ hành nghề có thời hạn hoặc bị cấm hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam.

Điều 42. - Bộ Tư pháp có thẩm quyền áp dụng các hình thức xử lý vi phạm sau đây:

1. Đình chỉ hành nghề có thời hạn đối với chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài;

2. Thu hồi giấy phép đối với chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài, cấm hành nghề đối với luật sư nước ngoài;

3. Phạt tiền từ 5.000 USD trở lên.

Điều 43.- Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền phạt tiền dưới 5.000 USD đối với các vi phạm Quy chế này.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. - Các tổ chức luật sư nước ngoài đã được phép đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam thì trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày ban hành Quy chế này phải làm thủ tục xin phép đặt chi nhánh và đăng ký hành nghề theo quy định của Quy chế này; nếu quá thời hạn đó mà không làm thủ tục xin phép thì phải chấm dứt hoạt động.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIỆT

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
In tại Công ty in Tiến Bộ - Hà Nội

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com